

Số: 308/BC-ĐCM

Cám Phả, ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV**;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701436805 đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 01/12/2018.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (020) 33715 066
- Fax: (020) 33715 067
- Website: www.minegeology.vn
- Mã cổ phiếu: **MGC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) *Quá trình hình thành*

Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tiền thân là Đoàn Thăm dò 9. Công ty được thành lập theo quyết định số 223/ĐC ngày 01/09/1958 của Sở Địa chất – Bộ Công nghiệp.

Theo văn bản số 3132/CN ngày 07/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng cục Địa chất nâng cấp Đoàn Thăm dò 9 thành Liên đoàn Địa chất 9 với các Đoàn Thăm dò trực thuộc. Liên chi đoàn Địa chất 9 tiếp nhận các Đoàn địa chất làm nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và vật liệu xây dựng của Liên đoàn 2 theo quyết định số 346/QĐ – TC ngày 11/12/1973 của Tổng cục Địa chất. Tại Quyết định số 357/QĐ-TC ngày 11/12/1975 của Tổng cục Địa chất, liên đoàn Địa chất 9 tiếp nhận Đoàn Địa chất 21 làm nhiệm vụ tìm kiếm – thăm dò khoáng sản phi kim loại và vật liệu xây dựng.

Tại Quyết định số 373/QĐ-TC ngày 31/10/1977 của Tổng cục Địa chất, Liên đoàn Địa chất 9 trở thành Liên đoàn địa chất khu vực với nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản trên lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.

Sau khi giải thể Tổng cục Địa chất, Chính phủ đã ra Nghị định số 30/HĐBT ngày 30/04/1990 v/v thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam – trực thuộc Bộ công nghiệp nặng. Với chủ trương sản xuất kinh doanh than từ khâu đầu đến khâu cuối, Bộ

Công nghiệp nặng đã bàn giao Liên đoàn Địa chất 9 cho Bộ Năng lượng (Quyết định số 03/CNNg-TC ngày 13/11/1991 của Bộ Công nghiệp nặng), đồng thời điều chuyển Đoàn 913 và Đoàn 911 về trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản.

Trong những năm của thập kỉ 80 (thế kỉ 20) ngoài công tác tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác vùng Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất 9 với tinh thần phát huy nội lực, giữ vững lực lượng, đa dạng hóa sản phẩm đã tổ chức khai thác, chế biến than và khoáng sản khác. Vì vậy, Bộ Năng lượng đã chính thức giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh than cho Liên đoàn Địa chất 9 và đổi tên thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (Quyết định số 609/NL-TCCBLĐ ngày 13/12/1991 của Bộ Năng lượng). Theo đó, các Đoàn địa chất được đổi tên thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản.

Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 563/TTg thành lập Tổng công ty Than Việt Nam. Thực hiện quyết định trên, từ ngày 01/01/1995 công ty Địa chất & KTKS chính thức là đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.

Để thống nhất quản lí công tác thăm dò địa chất trong ngành than, Tổng công ty Than Việt Nam đã điều chuyển Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát 4 từ Công ty Than Cẩm Phả (Quyết định số 296/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) và Xí nghiệp Thăm dò khai thác than từ Công ty Than Hòn Gai (Quyết định số 265/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) về trực thuộc Công ty Địa chất & KTKS; Chuyển Xí nghiệp 917 từ Công ty Địa chất & KTKS về Công ty Than Hòn Gai (Số 2811/TVN-TCCB ngày 23/07/1997).

Trên cơ sở Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 03/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Than Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Tổng công ty Than Việt Nam ra quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2003 với nội dung: Tách phần địa chất của Công ty Địa chất & KTKS để thành lập mới Công ty Địa chất Mở trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam kể từ ngày 01/05/2003 với các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ DLĐC.

Ngày 28/09/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 2322/QĐ-HĐTV v/v phê duyệt đề án và chuyển Công ty Địa chất Mở - TKV thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mở - TKV.

Ngày 08/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 731/QĐ-TKV v/v phê duyệt Phương án Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV. Theo đó từ ngày 01/05/2014 chấm dứt hoạt động của các Xí nghiệp: Địa chất Cẩm Phả, Trắc địa bản đồ, Dịch vụ DLĐC, giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 314/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 28 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có quyết định số 119/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 17/8/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV (Thời điểm 0h ngày 01/04/2015).

Ngày 06/10/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1987/QĐ-TKV về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thành công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2016, Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 108 tỷ đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Điều tra cơ bản, thăm dò địa chất than và các tài nguyên khoáng sản khác, thăm dò trong quá trình khai thác mỏ, địa chất khai thác mỏ, địa chất công trình, địa chất thủy văn.

+ Khảo sát, đo đạc địa hình bề mặt, đo đạc chuyên ngành mỏ lộ thiên và hầm lò, Đo địa vật lý Carota.

+ Dịch vụ địa chất trắc địa: Lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại, nghiên cứu khoa học công nghệ.

+ Khảo sát, xử lý địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình xây dựng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi.

+ Dịch vụ: Khoa học công nghệ, tin học, in ấn, liên kết xuất bản; khai thác, xử lý và cung cấp nước; tắm khoáng nóng, xoa bóp, tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe ...

- Địa bàn hoạt động chính: Tại tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

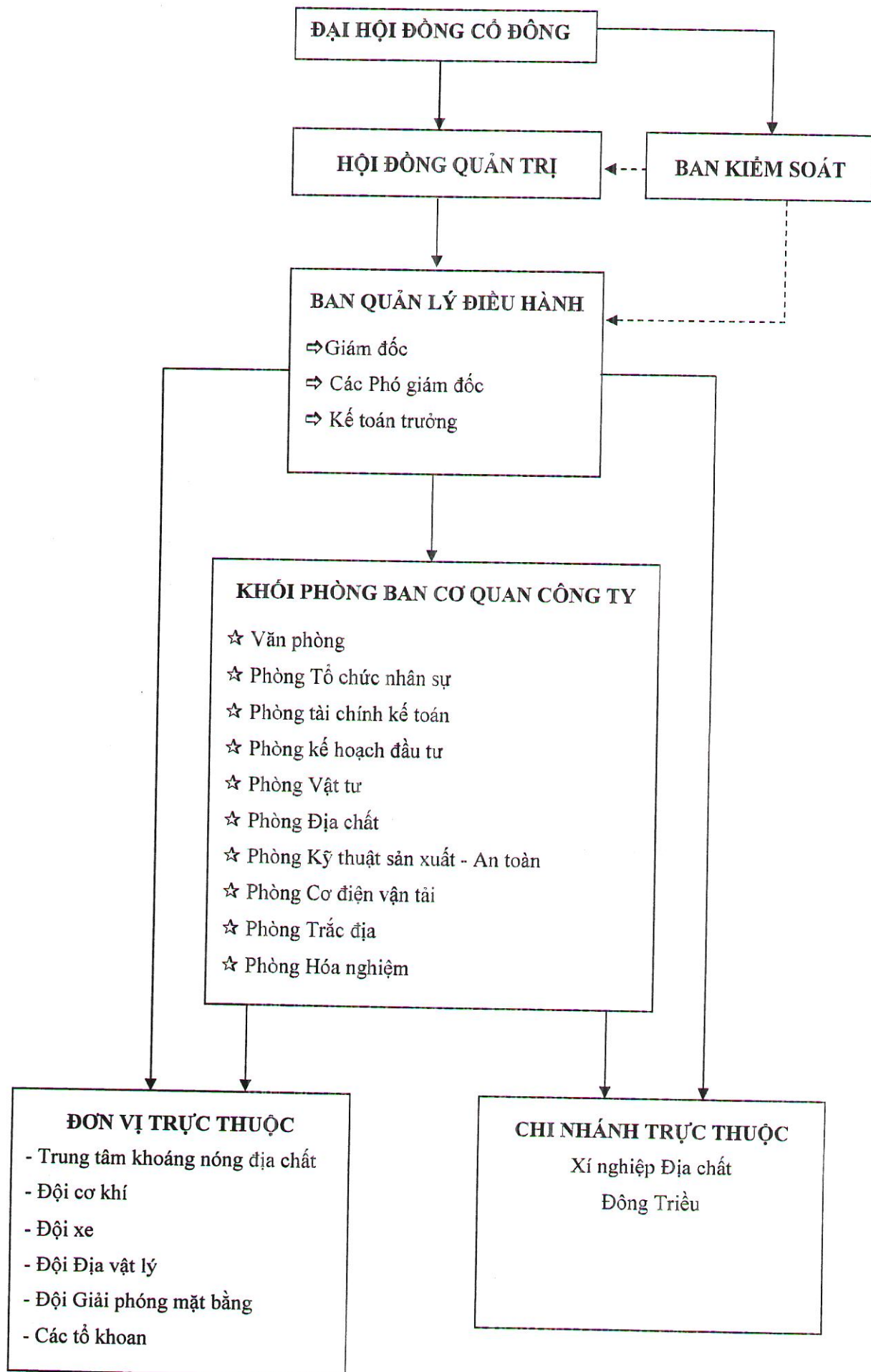
+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc gồm có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 người;

+ Các phòng ban, đơn vị trực thuộc và Chi nhánh: Gồm 10 phòng; 04 Đội trực thuộc; Trung tâm Khoáng nóng địa chất; 14 tổ khoan thuộc Công ty và 01 chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều theo mô hình sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong năm 2022, Công ty tiếp tục điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành Công ty đứng hàng đầu trong TKV về lĩnh vực thăm dò, khảo sát địa chất, đo đạc trắc địa bản đồ.

+ Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khoan phù hợp với từng địa tầng, từng vùng và kết cấu của đất đá để nâng cao chất lượng công trình.

+ Duy trì sản xuất ổn định và mở rộng sản xuất khoan trong lò để tháo nước, tháo khí cho các Công ty khai thác than hầm lò.

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

Do thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước, Tập đoàn tạm thời không có nguồn vốn chi phí tập trung dành cho công tác thăm dò khảo sát, đã làm ảnh hưởng lớn đến khối lượng, nhiệm vụ công tác thăm dò khảo sát. Công tác xin cấp các giấy phép thăm dò của một số mỏ không thực hiện được do vướng các quy hoạch của nhà nước và địa phương, như Vàng Danh, Đồng Vông - Uông Thượng. Các công trình khoan trên bãi thải dày, nhiều tầng lò khai thác, địa tầng phức tạp, địa hình phân cắt khó khăn cho công tác đèn bù và làm đường, nền khoan, các lỗ khoan có chiều sâu trên 900 chiếm tỷ lệ lớn hơn các năm qua...

Quý I Công ty thiếu việc làm do không có khối lượng chuyển tiếp, các nhiệm vụ mới thực hiện theo quy định 702-QĐ/TKV phải qua nhiều bước, mất nhiều thời gian, vì vậy đến tháng 4/2022 Công ty mới bố trí được 80% các tổ đội thi công, đến tháng 5/2022 có đủ việc làm cho 100% lao động trong Công ty.

Chi phí cho sản xuất tăng cao, đặc biệt là giá nhiên liệu và vật tư, chi phí đèn bù cao so với giá trị được duyệt, sự cố các lỗ khoan do nguyên nhân khách quan..., trong khi Công ty thực hiện đơn giá cố định, không được bù giá.

Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, dẫn đến công tác làm đường, nền gặp nhiều khó khăn khi mưa lớn gây dịch động, sạt lở làm mất đường, nền khoan như khu mỏ Lộ Trí, Suối Lại, Núi Béo, ảnh hưởng lớn đến công tác thi công, sửa chữa đường, nền và hoàn nguyên môi trường.

Dịch Covid19 lan rộng ra cộng đồng, có thời điểm nhiều công nhân khoan bị nhiễm bệnh phải nghỉ cách ly dài ngày. Trung tâm khoáng nóng phải dừng hoạt động, và đến tháng 7/2022 mới hoạt động trở lại, cơ sở vật chất không được đầu tư làm ảnh hưởng đến doanh thu tại Trung tâm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2022, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách cho Nhà nước và bảo toàn được vốn, cụ thể một số chỉ tiêu sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện năm 2022 | Tỷ lệ % |
|------------|---|-------------|-------------------|--------------------|--------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 7=5/4 |
| I | Chỉ tiêu hiện vật | | | | |
| 1 | Khoan thăm dò | mét | 64.500,0 | 53.494,1 | 82,9 |
| 2 | Khảo sát trắc địa | ha | 17.300,0 | 18.088,0 | 104,6 |
| II | Doanh thu | tr.đồng | 315.500 | 333.648 | 105,8 |
| III | Lợi nhuận | tr.đồng | 6.250 | 6.847 | 109,6 |
| IV | Lao động, thu nhập và tiền lương | | | | |
| 1 | Tổng quỹ lương | tr.đồng | 86.927 | 93.993 | 108,1 |
| 2 | Lao động BQ | người | 745 | 669 | 89,8 |
| 3 | Tiền lương BQ | 1000đ/ng/th | 9.723 | 11.708 | 120,4 |
| 4 | Đơn giá tiền lương | đ/1000đ DT | 286,0 | 286,0 | 100,0 |

* Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

Năm 2022 Đảng ủy, HĐQT, Ban quản lý điều hành Công ty đã có những phương hướng, giải pháp chỉ đạo quyết liệt kịp thời thích ứng với tình hình thực tế, chủ động chuẩn bị việc làm đảm bảo ổn định việc làm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tăng cường công tác quản lý, quản trị chi phí sản xuất, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ để tăng năng suất lao động.

Những nhận định, định hướng lãnh chỉ đạo, giải pháp điều hành đồng bộ và linh hoạt ngay từ đầu năm, cùng với truyền thống đoàn kết, Đội ngũ cán bộ quản lý và NLD công ty đã nắm bắt thuận lợi, vượt lên trên những khó khăn, thực hiện mục tiêu kép: khống chế dịch bệnh covid-19, hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ nắm giữ % | | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------------|-----------------|---------|---------|
| | | | Đại diện | Cá nhân | |
| 1 | Hà Minh Thọ | Giám đốc | | 0,086 | |
| 2 | Phạm Văn Ngôn | P.Giám đốc | | 0,166 | |
| 3 | Nguyễn Xuân Huệ | P. Giám đốc | | 0,038 | |
| 4 | Nguyễn Thị Hồng Lan | KT trưởng | | 0,034 | |

b) *Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:* Trong năm 2022, Công ty không có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành

c) **Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:** Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2022: 669 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm.

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi không đúng nội quy, quy định của công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư lớn

+ Dự án khu nghỉ dưỡng đập nước Đá Chông: UBND tỉnh Quảng Ninh và UBND TP Cẩm Phả đã đồng ý và giao Công ty thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng với định hướng phục vụ NLĐ ngành Than và nhân dân với chi phí phù hợp. Hiện tại Công ty đang thực hiện các công tác lập điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất:

- Hoàn thành dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021 (Dự án chuyển tiếp) và Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022.

- Tổng giá trị thực hiện 2022: 8.381,8trđ/ 9.774,6 trđ KH, đạt tỷ lệ 85,7%.

+ Đánh giá chung: Công ty đã thực hiện đúng các quy định của nhà nước, các quy chế, quy định của TKV và Công ty. Đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, đáp ứng được nhu cầu SXKD, phù hợp với khả năng huy động vốn và điều kiện tài chính của Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển, quy hoạch của TKV và địa phương và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2022

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % Tăng giảm |
|-----|--|-----------------|-----------------|----------------|
| (A) | (B) | (1) | (2) | (3=2/1) |
| 1 | Tổng tài sản | 275.248.234.550 | 259.175.718.431 | 94,20 |
| 2 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 282.645.387.617 | 331.947.548.105 | 117,44 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng | 282.645.387.617 | 331.947.548.105 | 117,44 |

| | | | | |
|----|--|-----------------|-----------------|--------|
| | và cung cấp dịch vụ | | | |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 244.667.591.380 | 284.574.316.191 | 116,31 |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 37.977.796.237 | 47.373.231.914 | 124,74 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 8.580.680 | 10.371.318 | 120,87 |
| 7 | Chi phí tài chính | 2.304.249.146 | 2.236.362.708 | 97,05 |
| 8 | Chi phí bán hàng | - | - | - |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 32.623.282.045 | 38.694.440.180 | 118,61 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 3.058.845.726 | 6.452.800.344 | 210,96 |
| 11 | Thu nhập khác | 1.319.249.762 | 676.297.123 | 51,26 |
| 12 | Chi phí khác | 725.239.757 | 281.799.503 | 38,86 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 594.010.005 | 394.497.620 | 66,41 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.652.855.731 | 6.847.297.964 | 187,45 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 967.566.212 | 1.466.427.494 | 151,56 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.685.289.519 | 5.380.870.470 | 200,38 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 249 | 350 | 140,56 |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,19 | 1,30 | |
| <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> | | | |
| - Hệ số thanh toán nhanh | 1,16 | 1,27 | |
| <i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i> | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,60 | 0,56 | |
| - Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu | 1,33 | 1,28 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho | 52,02 | 68,99 | |
| <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> | | | |
| - Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 1,03 | 1,28 | |

| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
|--|-------|-------|--|
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần | 0,009 | 0,016 | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | 0,025 | 0,047 | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 0,009 | 0,021 | |
| - Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần | 0,011 | 0,019 | |

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 |
|----------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Thuế | 18.246.392.260 | 13.919.078.250 |
| - | Thuế giá trị gia tăng | 14.778.966.584 | 9.767.757.450 |
| - | Thuế tiêu thụ đặc biệt | 238.900.672 | 619.805.565 |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 967.566.212 | 1.466.427.494 |
| - | Thuế thu nhập cá nhân | 1.245.963.290 | 46.942.129 |
| - | Thuế tài nguyên | 3.687.550 | 20.909.540 |
| - | Thuế đất và tiền thuê đất | 1.006.307.952 | 1.992.236.072 |
| - | Các loại thuế khác | 5.000.000 | 5.000.000 |
| 2 | Các loại phí và lệ phí | 1.501.183.366 | 198.631.250 |
| - | Phí bảo vệ môi trường | 4.656.000 | 27.393.000 |
| - | Các khoản khác | 1.496.527.366 | 171.238.250 |
| | Tổng cộng | 19.747.575.626 | 14.117.709.500 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 10.800.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng tính đến thời điểm 22/6/2022: 490 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 22/6/2022)

| STT | Danh mục | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Cơ cấu cổ đông | |
|----------|--|-------------------|-------------|----------------|------------|
| | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| A | Cơ cấu cổ đông | 10.800.000 | 100% | 1 | 876 |
| 1 | Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết | 9.351.800 | 86,59% | 1 | |
| 2 | Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết | 0 | 0% | | |
| 3 | Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết | 0 | 0% | | |

| | | | | | |
|----------|---|-----------|--------|---|-----|
| 4 | Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết | 1.448.200 | 13,41% | | 876 |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0% | | |
| B | Trong đó: | | | | |
| 1 | Vốn Nhà nước | 9.351.800 | 86,59% | 1 | |
| 2 | Vốn nước ngoài | 0 | 0% | | |

** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 9.351.800 cổ phần, chiếm 86,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Trong năm 2022 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2022 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Khoan thăm dò địa chất, do vậy nguyên vật liệu chủ yếu là xăng, dầu và ống chông, cần khoan.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

| Loại nhiên liệu | Khối lượng | | Qui đổi TOE | | Giá nhiên liệu | | Sử dụng cho mục đích |
|---------------------|------------|-----|-------------|-----|----------------|-------|--|
| Dầu DO | 993.734 | Lít | 874,5 | TOE | 23.157 | đ/lít | Nhiên liệu máy khoan, vận tải, máy xúc gạt, máy phát điện, đo Karota |
| Xăng | 29.834 | Lít | 24,8 | TOE | 23.751 | đ/lít | Nhiên liệu vận tải, bơm nước, đo Karota |
| Điện năng mua ngoài | 606.966 | Kwh | 93,7 | TOE | 2.958 | đ/kwh | Văn phòng, nhà xưởng |
| Tổng số TOE | | | 992,9 | | | | |

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2022, do điều kiện sản xuất đặc thù của Công ty, báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong năm không có.

6.3. Tiêu thụ nước, xử lý nước thải

a) Tiêu thụ: Công ty cổ phần Địa chất mỏ-TKV tiêu thụ các loại nước gồm:

- Nước máy dùng để vệ sinh tại khu văn phòng, điều hành; nấu ăn tại các bếp ăn tập thể; phòng cháy chữa cháy: 6.385 m³, chi phí sử dụng là 131 triệu đồng;

- Nước giếng khơi tại XN Địa chất Đông Triều dùng để vệ sinh, tưới cây, phòng cháy chữa cháy, ...: 1.095 m³/năm;

- Nước khe suối tại Trung tâm Khoáng nóng Địa chất dùng để giặt ga gối, vệ sinh công nghiệp, tưới cây, phòng cháy chữa cháy: 1.950 m³/năm;

- Nước hồ tại Xí nghiệp Địa chất Đông Triều dùng để vệ sinh, tưới cây, phòng cháy chữa cháy: 2.920 m³/năm;

- Nước khoáng nóng bơm thông bảo vệ lỗ khoan: 3.650 m³/năm.

b) Xử lý nước thải:

Công ty hiện có 02 dạng nước thải gồm:

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động phân tích mẫu của phòng hóa nghiệm;

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ngâm tắm, vệ sinh tại Trung tâm khoáng nóng và các khu văn phòng điều hành, tập thể công nhân.

Toàn bộ nước thải đều được Công ty tự xử lý; tại mỗi khu vực quản lý, Công ty xây dựng các hệ thống thu gom vào các bể chứa, bể tự hoại để xử lý; Các loại nước thải sau khi xử lý đều đảm bảo các quy chuẩn cho phép được xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Tổng lượng nước thải đã xử lý trong năm khoảng 21.985 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 669 người. Tiền lương bình quân năm 2022: 11.708.148 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Duy trì hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động, tiền ăn ca đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho CBCNV; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- Đã tổ chức hỗ trợ thu nhập cho người lao động do ảnh hưởng của dịch bệnh, khó khăn trong sản xuất với tổng số tiền là 280trđ/năm (TKV hỗ trợ)

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Năm 2022 Công ty tiếp tục phối hợp với Trung tâm tư vấn pháp luật và huấn luyện an toàn Công đoàn Quảng Ninh tổ chức huấn luyện an toàn, cấp chứng nhận và thẻ an toàn cho 254 CBCNV theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

- Chủ động phối hợp với các trường để mở các lớp đào tạo kiêm nghề cho Công nhân: Vận hành khoan máy địa chất, các thiết bị có tính đặc thù, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn... với tổng số hơn 123 công nhân

Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2022

| TT | Nội dung | Số lớp/Đợt | Số người | Ghi chú |
|----|---|------------|----------|---------|
| 1 | Tuyển lao động đi đào tạo nghề | 1 | 16 | |
| 2 | Tập huấn, huấn luyện | 3 | 254 | |
| 3 | Đào tạo kiêm nghề, thêm nghề | 0 | 0 | |
| 4 | Tuyển lao động có trình độ | | 2 | |
| 5 | Huấn luyện AT, giáo dục định hướng cho lao động mới | 3 | 713 | |
| 6 | Bố trí thực tập cho học sinh | 0 | 0 | |
| 7 | Đào tạo bồi dưỡng | 24 | 124 | |

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2022, ngoài chi hỗ trợ thường xuyên cho 01 cá nhân bị nhiễm chất độc da cam thuộc tỉnh Quảng Ninh, Công ty còn chi tặng quà cho các trường trên địa bàn, các tổ chức chính trị xã hội, các gia đình khó khăn nhân dịp lễ, tết...

Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện ăn, ở và làm việc cho công nhân vận hành khoan máy địa chất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân trong Công ty. Đặc biệt đã rất nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm để nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời có nhiều giải pháp để thu hút lao động yên tâm ở lại với Công ty; duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua bảng số liệu tại mục 1 phần II, cho thấy kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 chỉ tiêu khối lượng thăm dò giảm, chỉ đạt 82,9% KH, tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu tăng là do được TKV điều chỉnh hệ số thanh toán, bên cạnh đó khối lượng các lỗ khoan sâu, qua lò bãi thải nhiều, do đó doanh thu đạt 105,4% KH, cụ thể:

- Chỉ tiêu hiện vật: Khối lượng khoan thăm dò thực hiện năm 2022 là 53.494,1mk bằng 82,9% so KH năm; Khối lượng về khảo sát địa hình thực hiện là 18.088 ha bằng 104,6% so KH năm;
- Chỉ tiêu giá trị: Doanh thu đạt 333.648 triệu đồng bằng 105,8% so KH năm;
- Lợi nhuận: Thực hiện 6.847 triệu đồng bằng 109,6% so KH năm;
- Tiền lương bình quân của người lao động: 11.708 ngàn đồng/người/tháng bằng 120,4% so KH năm;

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản năm 2022

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 (đồng) | Năm 2022 (đồng) |
|-----|-------------------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản (trong đó) | 275.248.234.550 | 259.175.718.431 |
| 1.1 | Tài sản ngắn hạn | 182.820.294.131 | 189.668.393.766 |
| 1.2 | Tài sản dài hạn | 92.427.940.419 | 69.507.324.665 |
| | Trong đó: TSCĐ HH | 78.941.616.266 | 49.718.762.099 |
| 2 | Doanh thu thuần | 282.645.387.617 | 331.947.548.105 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.652.855.731 | 6.847.297.964 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 2.685.289.519 | 5.380.870.470 |

- Theo báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán lợi nhuận năm 2022 là: 6.847.297.494 đồng /kế hoạch 6.250.000.000 đồng bằng 109,5%;

- Tài sản ngắn hạn là: 189.668.393.766 đồng, trong đó nợ phải thu là: 179.900.288.388 đồng.

- Tài sản dài hạn là: 69.507.324.665 đồng, trong đó TSCĐ hữu hình là: 49.718.762.099 đồng.

NG TSCĐHH đầu năm 2022 là: 319.720.326.289 đồng

NG TSCĐHH tăng trong năm là: 6.422.828.700 đồng gồm:

+ Do mua sắm trong kỳ: 6.422.828.700 đồng.

+ Do quyết toán hoàn thành: 0 đồng.

NG TSCĐHH giảm trong năm là: 59.215.532.648 đồng

NG TSCĐHH cuối năm 2022: 266.927.622.341 đồng

Giá trị khấu hao và hao mòn trong năm là: 13.103.679.400 đồng

Giá trị hao mòn lũy kế là: 217.208.860.242 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐHH là : 49.718.762.099 đồng.

Định kỳ hàng tháng, quý TSCĐ được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Giá trị thực hiện đầu tư XDCCB năm 2022 là 8.381,8 triệu đồng so kế hoạch điều chỉnh 9.774 triệu đồng bằng 85,7%, còn công tác chuẩn bị dự án khu Nghỉ dưỡng đập nước Đá Chông được chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện. Trong đó Công ty đã dùng toàn bộ nguồn khấu hao TSCĐ và nguồn vốn chủ để đầu tư, Công ty không vay vốn dài hạn.

b) Tình hình nợ phải trả

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 (đồng) | Năm 2022 (đồng) | % Tăng giảm |
|-----|-------------------------------|------------------------|------------------------|----------------|
| (A) | (B) | (1) | (2) | (3=2/1) |
| A | Nợ ngắn hạn: Trong đó | 154.111.513.425 | 145.395.274.845 | 94,34 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 63.573.032.762 | 70.524.753.915 | 110,94 |
| 2 | Phải trả người bán | 28.909.889.354 | 28.118.347.716 | 97,26 |
| B | Nợ dài hạn | 10.051.858.490 | - | |
| 1 | Vay và nợ dài hạn | - | - | |
| C | Tổng nợ phải trả (A+B) | 164.163.371.915 | 145.395.274.845 | 88,57 |

- Công ty mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, thường xuyên phân loại các khoản nợ phải trả, phân loại tính chất nợ ngắn hạn, nợ dài hạn. Không để phát sinh nợ quá hạn thanh toán.

- Về vốn vay ngắn hạn 2022: Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn là 70.524.753.915 đồng là khoản vay ngắn hạn, Công ty không còn dư nợ vay dài hạn.

+ Số dư vay ngắn hạn đầu năm 2022: 63.573.032.762

+ Tổng số vay trong năm: 240.890.719.969

+ Số đã trả nợ trong năm: 233.938.998.543

+ Số dư vay ngắn hạn đến cuối năm 2022: 70.524.753.915

- Về vốn vay dài hạn 2022: Trong năm Công ty không thực hiện hợp đồng vay dài hạn để đầu tư

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc chỉ đạo thường xuyên rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động sản xuất chính, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ từ Công ty đến Xí nghiệp.

Trong năm 2022, Công ty đã tiết giảm tuyệt đối được 4 người so với thời điểm 01/01/2022 và những cán bộ về hưu không tuyển dụng thay thế. Do vậy, bước đầu về công tác tiết giảm lao động đã cơ bản hoàn thành và việc cơ cấu lại lao động, tổ chức đã có hiệu quả, cần được duy trì, phát huy.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phát huy truyền thống và kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết, vượt khó khăn của người địa chất, tính Kỷ luật và đồng tâm của giai cấp công nhân mỏ; tạo sự đồng

thuận từ Đảng Ủy, HĐQT, Ban QLĐH, các tổ chức chính trị xã hội và Người lao động trong Công ty để triển khai các mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

- Thực hiện nghiêm túc kỷ luật điều hành, các quy định của tập đoàn và cấp trên. Nêu cao vai trò người đứng đầu, chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền, tự chịu trách nhiệm với công việc được giao.

- Quan tâm đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực đặc biệt là lực lượng công nhân kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho đối tượng lao động trực tiếp; bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho khối quản lý. Xây dựng đội ngũ kỹ thuật Địa chất, Trắc địa, Địa vật lý, Khoan thăm dò, có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý tốt, năng động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu thị trường và hội nhập.

- Chủ động triển khai hiệu quả các Đề án, phương án đã được cấp giấy phép thăm dò, bám sát các cơ quan chuyên môn, phối hợp với Ban Tài nguyên để sớm hoàn thành việc xin cấp Giấy phép thăm dò. Phê duyệt các phương án khoan thăm dò phục vụ sản xuất, phương án chuyên đề (Chất lượng than, Cơ lý đá, ĐCTV, ĐCCT, khoan trong hầm lò...).

- Quan tâm hơn nữa việc chăm lo cải thiện môi trường làm việc, sinh hoạt của người lao động tại tất cả các vị trí sản xuất. Triển khai nghiêm túc việc học tập, huấn luyện an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện nghiêm công tác An toàn VSLĐ.

- Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với mô hình và nhu cầu sản xuất trong thời gian tới. Sắp xếp lại lao động phù hợp đảm bảo tỷ lệ gián tiếp theo quy định. Áp dụng công cụ KPIs để trả lương đối với các khối quản lý, gián tiếp, phục vụ phụ trợ.

- Triển khai có hiệu quả chương trình tin học hóa trong quản lý, tư vấn kỹ thuật. Tự động hóa trong các vị trí, dây truyền sản xuất để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Tiếp tục đầu tư nâng cấp phần mềm địa chất, quản trị tài nguyên, các đề tài nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường hiệu quả công tác quản trị, tiết giảm chi phí; cải cách theo hướng tăng tiền lương và thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện tốt quy chế thi đua khen thưởng, ưu tiên khuyến khích lực lượng trực tiếp sản xuất, sản xuất đảm bảo an toàn - chất lượng và đem lại hiệu quả kinh tế cao làm động lực để phát triển phong trào thi đua lao động sản xuất.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

- *Chất lượng môi trường không khí:*

+ Năm 2022, Công ty đã ký hợp đồng với CDC Quảng Ninh quan trắc môi trường lao động tại các công trường khoan, xưởng cơ khí, khu văn phòng điều hành sản xuất, với số lượng mẫu lấy là: 146 mẫu. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các mẫu đều đảm bảo trong giới hạn cho phép, chỉ một vài mẫu có độ ồn quá giới hạn. Công ty đã có biện pháp xử lý đảm bảo.

- *Chất lượng nước thải:*

+ Các loại nước thải của Công ty thải ra từ các khu điều hành sản xuất, hóa nghiệm, văn phòng, nhà ăn, từ khu ngâm tắm của Trung tâm Khoáng nóng Địa chất được xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép xả vào nguồn nước của khu vực, theo vị trí được phép xả thải.

+ Năm 2022 Công ty đã ký hợp đồng với Công ty VITE tổ chức lấy mẫu quan trắc phân tích 14 mẫu nước thải tại các khu vực: Trụ sở Văn phòng Công ty, phòng Hóa nghiệm, Khu điều hành sản xuất km5, Trung tâm Khoáng nóng Địa chất để phân tích. Kết quả 14/14 mẫu đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- *Công tác quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:*

+ Quản lý chất thải rắn thông thường: Rác thải phát sinh tại các khu văn phòng, điều hành được thu gom hàng ngày vào các xe, thùng chứa, tập kết tại các vị trí để xe Công ty Môi trường đô thị đến thu gom, vận chuyển đi xử lý. Số tiền chi cho việc thu gom xử lý rác thải sinh hoạt năm 2022 là gần 20 triệu đồng;

+ Quản lý chất thải nguy hại: Căn cứ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định trong sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp. Công ty đã ban hành quy định công tác bảo vệ môi trường trong Công ty, xây dựng kho chứa; Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị tổ chức phân loại, thu gom đảm bảo quy định; Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Môi trường đất:* Theo các đề án BVMT, kế hoạch BVMT đã được xác nhận phê duyệt thì Công ty không phải lấy mẫu đất để phân tích đánh giá.

- *Mức độ phát thải các chất thải:* Không có.

Công ty đã lập báo cáo định kỳ gửi các cấp có thẩm quyền như: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, UBND thành phố Cẩm Phả và Tập đoàn TKV đầy đủ, đảm bảo thời gian quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công đối với người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022, Công ty đã chi hỗ trợ các quỹ bảo trợ người khuyết tật, đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình nghĩa, nạn nhân chất độc da cam, thương binh, quỹ an sinh thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh,... giá trị 51 triệu đồng. Chi phí thăm hỏi, ốm đau, thăm viếng: 146.3 triệu đồng. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai

đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho các phó Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban, tổ, đội, Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành một Công ty chuyên khoan thăm dò, khảo sát đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

| T T | Họ và tên | Chức vụ | Điều hành/Độc lập/Không điều hành | Tỷ lệ sở hữu (%) | | Thời gian giữ chức tại Công ty |
|--------|---------------|------------|-----------------------------------|------------------|--------|--------------------------------|
| | | | | Đại diện | Sở hữu | |
| 1 | Vũ Văn Khản | Chủ tịch | Không ĐH | 86,59 | | Từ 01.01-:-31.12.2022 |
| 2 | Phạm Văn Khảm | Thành viên | Không ĐH | | 0 | Từ 01.01-:-31.12.2022 |
| 3 | Hà Minh Thọ | Thành viên | Điều hành | | 0,086 | Từ 01.01-:-31.12.2022 |
| 4 | Đỗ Văn Trường | Thành viên | Không ĐH | | 0,093 | Từ 01.01-:-31.12.2022 |
| 5 | Phạm Văn Ngôn | Thành viên | Điều hành | | 0,166 | Từ 01.01-:-31.12.2022 |

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên là chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên HĐQT không điều hành và 02 (hai) thành viên HĐQT điều hành (theo hình thức kiêm nhiệm). Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Vũ Văn Khẩn đồng thời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị của bốn đơn vị (Công ty cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin; Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại than Ưông Bí; Công ty cổ phần Chế biến và Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin; Công ty cổ phần Cơ khí mỏ và Đóng tàu - TKV).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 25 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 19 Nghị quyết, 17 quyết định liên quan đến quy chế, cơ chế, công tác tổ chức cán bộ, quản trị chi phí, quản lý tiền lương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra. Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Phụ lục 01 kèm theo).

- Sửa đổi, bổ sung ban hành 08 Quy chế quản lý để làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (độc lập)

Trong năm 2022, ông Phạm Văn Khâm và ông Đỗ Văn Trường là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo hoạt động của hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ nắm giữ | |
|-----|-----------------|------------|---------------|------------|
| | | | Đại diện | Sở hữu (%) |
| 1 | Lê Thị Kim Dung | Trưởng Ban | 0 | 0,063 |
| 2 | Hoàng Kim An | Thành viên | 0 | 0,117 |
| 3 | Nguyễn Đức Luận | Thành viên | 0 | 0,03 |

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV ngày 28/4/2021: Ban kiểm soát công ty được bầu gồm 03 người hoạt động kiêm nhiệm.

*** Cuộc họp của Ban kiểm soát**

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Bà Lê Thị Kim Dung | 6/6 | 100% | 100% | |
| 2 | Ông Hoàng Kim An | 6/6 | 100% | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Luận | 6/6 | 100% | 100% | |

*** Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trưởng ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2022 và hàng quý triển khai kế hoạch kiểm soát từng quý để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể, trong năm 2022 đã thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu, điều lệ công ty.

- Kiểm soát việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ, cơ chế, quy định nội bộ của Công ty ban hành trong năm.

- Đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 và quý I, 6 tháng đầu năm, 9 tháng năm 2022; Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2022; các báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của Công ty; Kiểm soát các chuyên đề như: quản lý tài chính, công nợ, vật tư, đầu tư, sửa chữa lớn, lao động tiền lương, công tác tái cơ cấu...

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp sơ kết tháng, quý để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.

- Thực hiện nộp các báo cáo định kỳ theo quy định về Tập đoàn đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Trong năm 2022 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tổ chức 06 cuộc họp để triển khai thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

c) Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông.

*** Hội đồng Quản trị Công ty:**

Đánh giá chung HĐQT đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Trong năm Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành các Nghị quyết; Quyết định ban hành các quy chế, quy định, quyết định liên quan đến công tác tổ chức LĐTTL, quy hoạch cán bộ, sắp xếp cán bộ. Công tác tài chính, kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022 và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị.

- Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện.

- HĐQT công ty đã chủ động tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng các quyền của TKV tại Công ty.

- Chủ tịch HĐQT công ty thực hiện chế độ báo cáo của người đại diện phần vốn tại Công ty về TKV kịp thời, đầy đủ theo quy định.

* Giám đốc công ty:

Đã thực hiện đúng, đủ các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Giám đốc công ty quy định tại Điều lệ công ty.

- Giám đốc và Ban Lãnh đạo điều hành đã thực hiện công việc quản lý, điều hành đơn vị đảm bảo tuân thủ điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và kỷ luật điều hành của TKV.

- Giám đốc Công ty đã chỉ đạo các phòng chức năng xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ để ban hành về công tác giao khoán chi phí sản xuất, đơn giá tiền lương và các quy định về quản lý vật tư nội bộ, quản trị chi phí.. từng thời điểm, phù hợp với tình hình SXKD của Công ty năm 2022.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với TKV theo quy định.

d) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát và các các bộ quản lý, phòng ban chuyên môn của Công ty được thực hiện chặt chẽ và có hiệu quả.

Các phòng ban trong công ty, đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trong năm Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến kiến nghị nào bất thường của các Cổ đông về hoạt động quản trị và điều hành công ty của HĐQT, Giám đốc công ty và Người quản lý công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 với tổng số tiền là: 518.400.000đồng.

* *Lương của ban Giám đốc:* Ban Quản lý điều hành Công ty có 4 thành viên. Trong năm 2022, Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban QLĐH với tổng số tiền là: 1.396.317.000đồng.

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2022 như sau:

| T | Họ và tên | Chức danh | Thu nhập tiền lương năm 2022 (đ) | Thu nhập từ thù lao năm 2022 (đ) | Tổng số |
|----|---------------------|----------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1+2 |
| 1 | Vũ Văn Khản | Chủ tịch HĐQT | | 74.016.000 | 74.016.000 |
| 2 | Phạm Văn Khảm | TV. HĐQT | | 63.072.000 | 63.072.000 |
| 3 | Đỗ Văn Trường | TV. HĐQT | | 63.072.000 | 63.072.000 |
| 4 | Lê Thị Kim Dung | TB. Kiểm soát | | 65.952.000 | 65.952.000 |
| 5 | Hoàng Kim An | TV. BKS | | 63.072.000 | 63.072.000 |
| 6 | Nguyễn Đức Luận | TV. BKS | | 63.072.000 | 63.072.000 |
| 7 | Hà Minh Thọ | TV. HĐQT - GĐ | 389.707.000 | 63.072.000 | 452.779.000 |
| 8 | Phạm Văn Ngôn | TV. HĐQT - PGĐ | 345.529.000 | 63.072.000 | 408.601.000 |
| 9 | Nguyễn Xuân Huệ | P. Giám đốc | 345.529.000 | | 345.529.000 |
| 10 | Nguyễn Thị Hồng Lan | Kế toán trưởng | 315.552.000 | | 315.552.000 |
| | Tổng cộng | | 1.396.317.000 | 518.400.000 | 1.914.717.000 |

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:* Trong năm 2022 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán:** Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 59/2022/BCKT- PKFVN ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. **Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: www.minegeolog.com.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

GIÁM ĐỐC



Hà Minh Thọ

PHỤ LỤC 01: NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 308 /BC-ĐCM, ngày 24 tháng 3 năm 2023)

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|----------------------------|------------|--|-----------------|
| 1 | Số: 01/2022/NQ- HĐQT | 10/01/2022 | <p>Thông nhất thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn bình quân năm 2022 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV là 77.000.000.000đồng</p> <p>Thông nhất thông qua kế hoạch đầu tư năm 2022</p> | 100% |
| 2 | Số: 02/2022/NQ- HĐQT | 14/01/2022 | <p>Thông nhất thông qua một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về việc tạm chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban KS năm 2022; - Về việc thông qua quyết toán thù lao năm 2021 cho Người phụ trách quản trị - Thụ ký HĐQT và chi trả thù lao năm 2022 Người PT quản trị - Thụ ký HĐQT. - Thông qua kế hoạch sửa chữa thường xuyên tài sản cố định năm 2022. - Thông qua kế hoạch sửa chữa tài sản cố định năm 2022. | 100% |
| 3 | Số: 03/2022/NQ- HĐQT | 24/02/2022 | <p>Thông nhất thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV</p> | 100% |
| 4 | Số: 04/2022/NQ- HĐQT | 23/3/2022 | <p>Thông nhất phê duyệt điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2022.</p> | 100% |
| 5 | Số: 05/2022/NQ- HĐQT | 05/3/2022 | <p>Thông nhất phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021</p> | 100% |
| 6 | Số: 06/2022/NQ- HĐQT | 21/4/2022 | <p>Thông nhất thông qua một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thuê ngoài khoan tháo nước moong via 11,12,13 Đông Trung tâm - Công ty than Dương Huy - TKV - Thông qua bổ nhiệm lại ông Trần Văn Tới giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất - An toàn Công ty. | 100% |
| 7 | Số: 07/2022/NQ- HĐQT | 16/5/2022 | <p>Thông nhất thông qua một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. - Phê duyệt Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV. - Phê duyệt Quy chế khoán, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. - Phê duyệt Quy chế kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu trong Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. - Thông qua bổ nhiệm lại ông Trần Văn Tới giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất - An toàn Công ty. | 100% |
| 8 | Số: 08/2022/NQ- HĐQT | 02/6/2022 | <p>Thông nhất thông qua một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thuê ngoài khoan tháo nước chợ N-7-4 via 7 khu Nam - Công ty than Dương Huy - TKV. - Thông qua kế hoạch chi Quỹ khen thưởng, phúc lợi và | 100% |

| | | | | |
|----|----------------------------|------------|---|------|
| | | | các khoản có tính chất phúc lợi năm 2022. - Thông qua thanh, xử lý tài sản cố định của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV. | |
| 9 | Số: 09/2022/NQ- HĐQT | 02/6/2022 | Thông nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021 cho cổ đông. | 100% |
| 10 | Số: 10/2022/NQ- HĐQT | 02/6/2022 | Thông nhất phê duyệt miễn nhiệm Người phụ trách quản trị - Thư ký Công ty ông Lưu Tiến Quỳnh - TP TCNS và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị - Thư ký Công ty ông Đỗ Minh Tiến - Phó phòng KHĐT Công ty | 100% |
| 11 | Số: 11/2022/NQ- HĐQT | 06/6/2022 | Thông nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021 cho cổ đông. | 100% |
| 12 | Số: 12/2022/NQ- HĐQT | 08/7/2022 | Thông nhất thông qua một số nội dung sau: - Phê duyệt Quy chế Quản lý và sử dụng Tài sản cố định của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. - Phê duyệt Quy chế Quản lý nợ của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. | 100% |
| 13 | Số: 13/2022/NQ- HĐQT | 02/8/2022 | Thông nhất thông qua thuê ngoài thi công gói cung cấp Khoan tháo nước trong lò năm 2022 - Công ty than Uông Bí - TKV. | 100% |
| 14 | Số: 14/2022/NQ- HĐQT | 16/8/2022 | Thông nhất thông qua danh sách nhân sự quy hoạch các chức danh: Trưởng phòng, Phó phòng Công ty; Giám đốc, Phó giám đốc, TP. TCKT Xí nghiệp giai đoạn 2025-2030; Danh sách bổ sung và đưa ra ngoài quy hoạch giai đoạn 2020-2025. | 100% |
| 15 | Số: 15/2022/NQ- HĐQT | 22/9/2022 | Thông nhất thông qua một số nội dung sau: - Thông qua thuê ngoài thi công lỗ khoan HRSX02, HRSX09 thuộc phương án khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2022 Công ty than Hòn Gai - TKV. - Thông qua Kế hoạch đầu tư năm 2023. | 100% |
| 16 | Số: 16/2022/NQ- HĐQT | 07/10/2022 | Thông nhất thông qua Kế hoạch đầu tư năm 2022 điều chỉnh. | 100% |
| 17 | Số: 17/2022/NQ- HĐQT | 28/10/2022 | Thông nhất thông qua cử cán bộ đi công tác tại Cambodia | 100% |
| 18 | Số: 18/2022/NQ- HĐQT | 08/11/2022 | Thông nhất phê duyệt Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV | 100% |
| 19 | Số: 19/2022/NQ- HĐQT | 24/12/2022 | Thông nhất thông qua một số nội dung sau: - Phê duyệt Quy chế phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. - Phê duyệt Sửa đổi, bổ sung Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. - Phê duyệt Quy chế quản lý cán bộ của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV. | 100% |